

Bản án số: 22/2024/HS-ST

Ngày 21-12- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Tòng Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Liên

Ông Hàng A Vàng

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Toà án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà:* Ông Tăng Bá Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 21/12/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2024/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 đối với *bị cáo*:

Họ và tên: **Trần Văn T**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 04/05/1983 tại tỉnh L. Giới tính: Nam; Nơi ĐKKTT: Tổ 2, phường Đoàn K, thành phố L, tỉnh L; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 03/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Trần Văn T1, (đã chết); Con bà: Vũ Thị NH(đã chết); Họ và tên vợ: Lù Thị P, sinh năm 1984 và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014. Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ nhất; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Nhân thân: Ngày 28/12/2015, Trần Văn T bị UBND thành phố L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng về hành vi “Tàng trữ vũ khí thô sơ mà không có giấy phép”. Ngày 20/01/2016 Trần Văn T đã chấp hành xong Quyết định xử phạt nên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Và tại bản án số: 40/2016/HSST ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố L áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 255, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn T 05 năm tù về tội “Môi giới mại dâm”, truy thu số tiền 22.700.000 đồng và buộc phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 10/01/2019 Trần Văn T chấp hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án nên đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/04/2024 đến nay tại Nhà Tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh L. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Theo lời khai của Trần Văn T, khoảng tháng 02 năm 2023, T đi bộ từ nhà tại tổ 2, phường Đoàn K, thành phố L đến khu vực bến xe khách cũ thuộc tổ 1, phường Tân Phong, thành phố L thì gặp Vui Văn Y, sinh năm 1983, trú tại bản San Th, xã San Th, thành phố L nên đã hỏi mua ma túy loại hồng phiến của Y để sử dụng. Qua trao đổi mua bán, T mua được của Y 200 viên hồng phiến được để trong 01 túi zip bằng nilon màu xanh với giá 4.500.000 đồng. Về đến nhà, T chia số hồng phiến mua được thành hai phần để trong 02 túi zip bằng nilon màu xanh (*T không kiểm đếm số lượng hồng phiến trong mỗi gói*) rồi cất giấu 01 gói hồng phiến tại nóc tủ quần áo trong phòng ngủ tầng 1 và cất giấu 01 gói còn lại vào ba lô vải màu xanh trong phòng ngủ tầng 2 để sử dụng dần. Sau đó T lấy hồng phiến cất giấu trong ba lô vải để sử dụng trước còn hồng phiến cất giấu trên nóc tủ sẽ dùng sau. Đến khoảng tháng 4 năm 2023, T tiếp tục bắt xe khách từ L đến khu vực cầu Kim Tân thuộc tổ 2, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai thì T xuống xe khách và đi bộ tìm mua ma túy về cất giấu để sử dụng dần. Khi T đang đi bộ trên cầu Kim Tân thì gặp một người đàn ông tự giới thiệu tên là Quyết, không rõ nhân thân lai lịch, nhìn giống người nghiện chất ma túy nên đã hỏi mua ma túy với người này. Qua trao đổi mua bán, T mua được của Quyết 02 gói ma túy với giá 06 triệu đồng, trong đó 01 gói là túi zip bằng nilon màu hồng, bên trong có chứa tinh thể màu trắng còn 01 gói là túi zip bằng nilon màu trắng, bên trong có chứa tinh thể màu trắng trộn lẫn với hồng phiến đã nghiền thành bột. T đem số ma túy mua được của Quyết về nhà cất giấu vào ba lô vải màu xanh trong phòng ngủ tầng 2 cùng với 01 túi zip hồng phiến cất giấu trước đó để sử dụng dần. Trong quá trình sử dụng ma túy T đã chia túi zip có chứa tinh thể màu trắng trộn lẫn với hồng phiến thành hai phần cho vào 02 túi zip màu trắng để tiện sử dụng.

Khoảng gần 12 giờ ngày 04/4/2024, T lấy 03 viên hồng phiến từ trong số hồng phiến cất giấu trong ba lô vải cho vào 01 túi zip bằng nilon màu trắng rồi cất giấu vào trong túi quần bên phải đang mặc để sử dụng. Hồi 12 giờ 00 phút cùng ngày, khi T đang cất giấu 03 viên hồng phiến trong túi quần, chưa kịp sử dụng thì tổ công tác của đội Kinh tế và Ma túy Công an thành phố L phối hợp với phòng PC04 Công an tỉnh L và Công an phường Đoàn K đến nhà T để kiểm tra nên T đã tự giác giao nộp 03 viên hồng phiến nói trên cho tổ công tác. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Cùng ngày 04/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với Trần Văn T. Kết quả khám xét đã phát hiện, thu giữ: 01 túi zip bằng nilon màu xanh, bên trong có 70 hồng phiến của T cất giấu tại nóc tủ đựng quần áo trong phòng ngủ tầng 1; 04 túi zip chứa ma túy

cất giấu trong ba lô vải màu xanh tại phòng ngủ tầng 2 gồm: 01 túi zip bằng nilon màu xanh có chứa 59 viên hồng phiến, 01 túi zip bằng nilon màu hồng có chứa tinh thể màu trắng; 02 túi zip bằng nilon màu trắng đều có chứa tinh thể màu trắng, hồng; 01 chai nhựa màu trắng, trên thân chai có đục lỗ gắn ống nhựa, là công cụ để T sử dụng ma túy; 02 súng kíp thuộc súng săn; 01 dùi cui kim loại và 01 dùi cui điện thuộc công cụ hỗ trợ; 08 con dao thuộc vũ khí thô sơ; 01 điện thoại Iphone 6sPlus màu trắng, gold và 01 điện thoại Iphone 6Plus màu trắng, bạc.

Tại bản kết luận giám định theo vụ việc số 17/KLGD ngày 04/4/2024 của người giám định tư pháp theo vụ việc, kết luận: Số viên nén hình tròn màu hồng thu giữ trong quá trình bắt quả tang và khám xét có tổng khối lượng 12,56 gam (*quả tang là 0,29 gam; khăn cấp là 12,27 gam*); Số chất tinh thể màu trắng thu giữ trong quá trình khám xét khăn cấp ngày 04/04/2024 có khối lượng 5,73 gam; Số tinh thể màu trắng, hồng thu giữ trong quá trình khám xét khăn cấp ngày 04/04/2024 có khối lượng 5,66 gam.

Tại bản kết luận giám định số 411/KL- KTHS ngày 08/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L đối với mẫu viên nén màu hồng thu giữ trong quá trình bắt quả tang ngày 04/4/2024, kết luận: 01 mẫu viên nén màu hồng (ký hiệu M1) gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 414/KL- KTHS ngày 11/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L đối với mẫu viên nén màu hồng, tinh thể màu trắng, tinh thể màu trắng hồng thu giữ trong quá trình khám xét khăn cấp ngày 04/4/2024, kết luận:

- 02 mẫu viên nén màu hồng (ký hiệu M2, M3) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine.

- 01 mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M4) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine.

- 02 mẫu tinh thể màu trắng, hồng (ký hiệu M5, M6) gửi giám định là ma túy, loại Ketamine và Methamphetamine.

Do số tinh thể màu trắng, hồng thu giữ của Trần Văn T đã trộn lẫn hai chất ma túy là Ketamine và Methamphetamine nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung để xác định khối lượng từng loại ma túy. Tại bản kết luận giám định số: 6059/KL-KTHS ngày 16/8/2024 và công văn số 2984 ngày 04/10/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Khối lượng các chất ma túy Methamphetamine và Ketamine trong 3,38 gam mẫu M5 lần lượt là 0,172 gam và 2,802 gam; Khối lượng các chất ma túy Methamphetamine và Ketamine trong 2,28 gam mẫu M6 lần lượt là 0,672 gam và 1,210 gam.

Như vậy, căn cứ kết quả giám định xác định khối lượng Methamphetamine Trần Văn T tàng trữ là 12,56 gam + 5,73 gam + 0,172 gam + 0,672 gam = 19,134

gam, còn khối lượng Ketamine T tàng trữ là 2,802 gam + 1,210 gam = 4,012 gam.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã triệu tập, lấy lời khai của Vui Văn Y và tiến hành đối chất giữa Trần Văn T và Vui Văn Y nhưng Y không thừa nhận bán ma túy cho T như lời khai của T.

Cáo trạng số: 83/CT-VKSTP ngày 28/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố Trần Văn T về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2024. Áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu huỷ: 6,12 gam viên nén hình tròn màu hồng còn lại của M2; 5,2 gam viên nén hình tròn màu hồng còn lại của M3; 5,44 gam tinh thể màu trắng còn lại của M4; Mẫu ký hiệu M5: 1,893 gam tinh thể màu trắng, hồng; Mẫu ký hiệu M6: 1,955 gam tinh thể màu trắng, hồng; 01 balo vải, màu xanh; 01 chai nhựa màu trắng, trên thân chai có đục lỗ gắn ống nhựa và các vỏ bao gói mẫu. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Iphone 6sPlus màu trắng, gold và 01 điện thoại Iphone 6Plus màu trắng, bạc; 02 súng kíp, 01 dùi cui kim loại, 01 dùi cui điện, 08 con dao đã tách vật chứng chuyển xử phạt vi phạm hành chính. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Tại lời nói sau cùng bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật để được sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, các Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

nếu biên bản ghi nhận sự việc, biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng, kết luận giám định ... được xem xét và tranh tụng công khai tại phiên tòa. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Hồi 12 giờ 00 phút ngày 04/4/2024, tại nhà ở của Trần Văn T thuộc tổ 2, phường Đoàn K, thành phố L, tỉnh L, Trần Văn T đang tàng trữ trái phép 19,134 gam Methamphetamine và 4,012 gam Ketamine để sử dụng thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang và khám xét khẩn cấp thu giữ.

Bị cáo Trần Văn T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, có tính chất rất nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi của bị cáo Trần Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Vì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Methamphetamine so với mức tối thiểu được quy định tại khoản 3 Điều 249 của Bộ luật hình sự (bằng 63,78 %) còn tỷ lệ % khối lượng 4,012 gam Ketamine so với mức tối thiểu 100 gam quy định tại điểm e khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự (là 4,012%). Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng ma túy là 67,792%, dưới 100% nên thuộc trường hợp quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do đó, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định.

“ Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. [...]

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: [...]

n) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm e đến điểm m khoản này; [...]

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân của bị cáo: Ngày 28/12/2015, Trần Văn T bị UBND thành phố L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng về hành vi “Tàng trữ vũ khí thô sơ mà không có giấy phép”. Ngày 20/01/2016 Trần Văn T đã chấp hành xong Quyết định xử phạt nên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Và tại bản án số: 40/2016/HSST ngày 27/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố L áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 255, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Văn T 05 năm tù về tội “Môi giới mại dâm”, truy

thu số tiền 22.700.000 đồng và buộc phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 10/01/2019 Trần Văn T chấp hành xong hình phạt tù và đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án nên đã được xóa án tích.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ông nội của bị cáo là ông Trần Văn Tụng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy cần áp dụng hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với số ma túy còn lại gồm: 6,12 gam viên nén hình tròn màu hồng còn lại của M2; 5,2 gam viên nén hình tròn màu hồng còn lại của M3; 5,44 gam tinh thể màu trắng còn lại của M4; Mẫu ký hiệu M5: 1,893 gam tinh thể màu trắng, hồng; Mẫu ký hiệu M6: 1,955 gam tinh thể màu trắng, hồng là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với: 01 balo vải, màu xanh; 01 chai nhựa màu trắng, trên thân chai có đục lỗ gắn ống nhựa và các vỏ bao gói mẫu là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại Iphone 6sPlus màu trắng, gold và 01 điện thoại Iphone 6Plus màu trắng, bạc không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 02 súng kíp, 01 dùi cui kim loại, 01 dùi cui điện, 08 con dao đã tách vật chứng chuyển xử phạt vi phạm hành chính nên không đặt vấn đề giải quyết

[6] Các vấn đề liên quan:

Quá trình điều tra, theo lời khai của Trần Văn T, nguồn gốc Methamphetamine dạng viên nén màu hồng là mua của Vui Văn Y. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng Y không thừa nhận bán ma túy cho T, ngoài lời khai của T không có tài liệu chứng cứ nào khác nên

không đủ căn cứ để xem xét, xử lý đối với Y về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

Đối với người đàn ông tên Quyết: Bị can Trần Văn T khai nhận nguồn gốc Ketamine và Methamphetamine dạng tinh thể màu trắng và màu trắng, hồng là mua của một người tự giới thiệu tên là Quyết bị can gặp tại khu vực cầu Kim Tân, thành phố Lào Cai. Do T không biết nhân thân, lai lịch của người đàn ông này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, làm rõ.

Đối với việc Trần Văn T có hành vi tàng trữ 02 súng kíp thuộc loại súng săn, 01 dùi cui kim loại, 01 dùi cui điện thuộc loại công cụ hỗ trợ và 08 con dao là vũ khí thô sơ. Do đó, việc Công an thành phố L đề nghị và UBND thành phố L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Văn T về hành vi “Tàng trữ trái phép súng săn, vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ” là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106; Điều 135, khoản 2 Điều 136, các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/04/2024.

3. Về vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy: 6,12 gam viên nén hình tròn màu hồng còn lại của M2; 5,2 gam viên nén hình tròn màu hồng còn lại của M3; 5,44 gam tinh thể màu trắng còn lại của M4; Mẫu ký hiệu M5: 1,893 gam tinh thể màu trắng, hồng; Mẫu ký hiệu M6: 1,955 gam tinh thể màu trắng, hồng; 01 balo vải, màu xanh; 01 chai nhựa màu trắng, trên thân chai có đục lỗ gắn ống nhựa và các vỏ bao gói mẫu.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 điện thoại Iphone 6sPlus màu trắng, gold và 01 điện thoại Iphone 6Plus màu trắng, bạc

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2024 giữa Công an thành phố L và Chi cục thi hành án dân sự thành phố L).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân cấp trên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Cơ quan CSĐT(PC04) Công an tỉnh L;
- Công an TP L (CQĐT, Nhà Tạm giữ, CQ THAHS);
- VKSND TP L;
- Chi cục THADS TP L;
- Sở tư pháp tỉnh L;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tòng Thị Tuyết